TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 12 - 6 - 2019
V/v tranh chấp tài sản sau ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 N 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 N 2019 về việc*:"Tranh chấp tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 N 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Lê M - sinh N 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Thanh T - Văn phòng Luật sư Võ Thanh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lý Thu N - sinh N 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Lê M – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, ông Nguyễn Lê M trình bày:* N 2014, ông có thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T với số tiền 150.000.000 đồng, N 2015 vay thêm 50.000.000 đồng để mua xe cho con, tổng cộng 200.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để xây nhà, phục vụ sinh hoạt chung gia đình và mua xe cho con. Đồng thời vào N 2007 bà N đứng vay Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Trần Văn Thời với số tiền 17.000.000 đồng mục đích chăn nuôi gia súc, đến năm 2015 bà N chuyển phần nợ vay cho ông đứng vay thành tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Do đến hạn, ông đã thanh toán cho hai ngân hàng với tổng số tiền là 230.000.000 đồng. Đây là khoản nợ chung giữa ông và bà N vay trong thời kỳ hôn nhân. Nay ông yêu cầu bà N có trách nhiệm hoàn lại cho ông ½ số tiền bằng 115.000.000 đồng.

- *Bị đơn, bà Lý Thu N trình bày:* Các khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ông M yêu cầu là nợ riêng phát sinh sau khi vợ chồng đã ly thân và do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tự thế chấp quyền sử dụng đất vay Ngân hàng, việc vay vào thời gian nào, mục đích làm gì bà không biết, nên bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với khoản nợ vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 17.000.000 đồng để sử dụng chung gia đình nhưng đã thanh toán xong cho Ngân hàng vào N 2014.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 51/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 115.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/3/2019 ông Nguyễn Lê M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà N hoàn lại cho ông số tiền là 115.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Lê M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ - ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo hướng buộc bà N hoàn lại cho ông M một phần khoản tiền đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại cho ông khoản tiền nợ vay Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân số tiền là 115.000.000 đồng. Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ, nhận thấy: Ông M, bà N ly hôn được xét xử tại bản án sơ thẩm số: 63/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 của TAND huyện Trần Văn Thời và bản án phúc thẩm số: 31/2108/HNGĐ-PT ngày 17/8/2018 của TAND tỉnh Cà Mau. Sau khi ly hôn, ông M có thanh toán cho hai Ngân hàng với số tiền 230.000.000 đồng là thực tế xảy ra.

Song ông M cho rằng đây là khoản nợ chung vì thời điểm vay từ N 2014 và dùng để sinh hoạt chung cho gia đình. Bà N không chấp nhận và cho rằng đây là khoảng nợ riêng của ông M. Như vậy việc tranh chấp giữa các đương sự được xác định là nợ chung hay nợ riêng và trách nhiệm của mỗi người như thế nào.

Tại hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số: 344/2016/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2016 về việc "Ly hôn, chia tài sản và nợ khi ly hôn" và tại bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 31/2108/HNGĐ-PT ngày 17/8/2018 của TAND tỉnh Cà Mau, bà N có xác nhận các khoản nợ chung của vợ chồng trong đó có khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh huyện Trần Văn Thời vốn 100.000.000 đồng, vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng Giao dịch huyện T vốn 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thừa nhận sau khi bản án số 31/2108/HNGĐ-PT ngày 17/8/2018 của TAND tỉnh Cà Mau có hiệu lực đến nămay bà không thanh toán khoản nợ này cho ngân hàng. Như vậy lời khai xác nhận nợ của bà vào N 2018, trong khi đó bà cho rằng khoản nợ bà đã thanh toán vào N 2015 là thiếu tính thuyết phục. Việc thừa nhận nợ của bà được ghi nhận trong bản án số 31/2018/HNGĐ-PT phù hợp với lời khai của ông M là sau khi ly hôn ông vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp ngày 14/11/2018 để đáo hạn và cũng được thể hiện tại chứng từ giao dịch của Ngân hàng nông nghiệp có nội dung: *...Loại giao dịch: Tất toán hợp đồng tín dụng 7504-LAV-201507857; nội dung: Trả nợ vay 12 tháng* (bút lục số 21). Như vậy, đến thời điểm tháng 8/2018 bà N vẫn thừa nhận nợ chung của vợ chồng thiếu Ngân hàng là 120.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào thời điểm ông M vay lần sau cùng là ngày 14/11/2018 khi đó vợ chồng đã ly hôn là nợ riêng của ông M là chưa xem xét, đánh giá toàn diện hết các chứng cứ.

[2]. Với những chứng cứ đã phân tích, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông M. Nợ chung được xác định là 120.000.000 đồng (Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn 100.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội 20.000.000 đồng),, buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông M 60.000.000 đồng.

[3]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm vị Luật sư bảo vệ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn cho rằng tổng số vốn vay Ngân hàng sử dụng vào việc chung là 230.000.000 đồng. Nhận thấy việc vay được thể hiện nhiều lần với các khoản vốn khác nhau và do anh M trực tiếp giao dịch không thể hiện sự giao dịch của bà N vì vậy lời trình bày của vị luật sư là không có cơ sở.

[5]. Về việc xem xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nhận thấy căn cứ bản án bà N có nghĩa vụ phải thi hành nên việc xem xét sẽ do tòa sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu trong giai đoạn thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên các đương sự có nghĩa vụ nộp án phí trên phần nghĩa vụ của mình theo qui định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông M được chấp nhận một phần nên ông không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/HNGĐ - ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê M về việc buộc bà Lý Thu N có trách nhiệm hoàn trả cho ông M một khoản tiền nợ trả chung mà ông M đã thanh toán cho Ngân hàng.

Buộc bà Lý Thu N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M 60.000.000 đồng.

Trường hợp bà Lý Thu N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông Nguyễn Lê M, thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê M yêu cầu bà Lý Thu N hoàn trả lại khoản nợ vay Ngân hàng là 55.000.000 đồng.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Lê M phải chịu 2.750.000 đồng, ngày 26 tháng 11 N 2018 ông đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.875.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0008926 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ, ông được nhận lại 125.000 đồng; bà N phải chịu 3.000.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Lê M không phải chịu. Ngày 26/3/2019 ông có dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002897 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Hùng